

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 25/8/2022

V/v “*tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thúy Hằng.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Kim Sang

Bà Nguyễn Thị An Tiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Minh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh, Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLPT-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022, về việc: “*tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 37/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trang Thị B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tổ 4, ấp K, xã G, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Phi H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Tổ 11, ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Anh Phạm Văn T và chị Võ Hương D là Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Bảo Minh Lý thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1940. Địa chỉ: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có đơn vắng mặt).

- Anh Lê Trọng C, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 1174A, Tổ 18, đường QL 22B, ấp A, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Chị Tô Thị Kim N, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 441, Hẻm 69, Đường T, Khu phố 2, Phường 3, thành phố N, tỉnh Tây Ninh (có đơn vắng mặt).

- Người kháng cáo Chị Trang Thị B -nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 27/10/2021 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Trang Thị B trình bày:

Chị và Anh Trần Phi H chung sống với nhau vào năm 2006, nhưng đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống cùng cha mẹ của anh H tại ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Tháng 5/2017 anh H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung; về tài sản chung chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 12/6/2017 Tòa án nhân dân huyện T ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị và anh H.

Chị và anh H đã làm bản thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn là toàn bộ phần tài sản chung do anh H quản lý, sử dụng. Riêng đối với phần đất diện tích 8.500m² tọa lạc tại ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh do anh H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi các con chung trưởng thành thì anh H giao lại cho 02 con đối với phần diện tích đất này. Việc thỏa thuận trên được lập thành 02 văn bản; 01 văn bản viết tay ngày 30/5/2017 giữa chị với anh H và 01 văn bản được lập tại Ủy ban nhân dân xã V cùng ngày 30/5/2017 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã.

Nhưng anh H không thực hiện đúng thỏa thuận mà chuyển nhượng phần đất trên cho vợ chồng Anh Lê Trọng C và Chị Tô Thị Kim N vào năm 2021. Do đó, nay chị yêu cầu chia đôi phần diện tích đất 8.500m² và yêu cầu được nhận hiện vật là ½ diện tích đất trên.

Phần đất tranh chấp diện tích 8.500m² thuộc một phần của thửa đất số 4029, tờ bản đồ số 10 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00981/546/2006/HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 16/3/2006 cho anh H đứng tên. Hiện tại phần đất này thuộc một phần thửa đất số 524, tờ bản đồ số 38 thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH113634; sổ vào sổ cấp GCN: CS02757 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08/6/2017 cho anh H đứng tên. Phần đất có nguồn gốc của cha mẹ ruột anh H tặng cho anh H vào năm 2006, nhưng thực tế trong toàn bộ diện tích 26.202 m² do anh H đứng tên, thì cha mẹ chưa chia cho anh Trần Văn C1. Ngày 16/6/2013 thì anh C1 lập giấy thỏa thuận về việc chuyển nhượng phần đất tranh chấp cho chị và anh H.

Khi chuyển nhượng phần đất tranh chấp không thể hiện vị trí đất, nhưng thực tế phần đất có tứ cận: Đông giáp đất của bà Trần Thị Hoa Diệp; Tây giáp đường đất; Nam giáp đất của Anh Trần Phi H; Bắc giáp đường đất.

Về căn nhà cấp 4 được xây dựng vào cuối năm 2010 với giá 300.000.000 đồng. Chiếc máy cày được mua vào khoảng năm 2014 với giá khoảng 50.000.000 đồng. Nguồn tiền xây dựng căn nhà và mua máy cày từ thu nhập bán đồ hàng bông và tiền làm thuê của anh H.

Trong thời gian chị và anh H chung sống, chị làm nghề trồng đồ hàng bông, lợi nhuận thu được sau khi trừ các chi phí sinh hoạt gia đình và chi phí cho việc sản xuất, mỗi năm còn lại khoảng 100.000.000 đồng. Tất cả các chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, thu nhập có được từ việc sản xuất đều do anh H nắm giữ và chi tiêu. Các giao dịch mua bán tài sản chung đang tranh chấp giữa hai bên cũng đều do anh H thực hiện, nên chị không có chứng cứ gì chứng minh. Việc mua bán đất với anh C1 cũng chỉ người trong gia đình biết, những người sống gần nhà anh H thì không ai biết.

Nay chị yêu cầu chia đôi giá trị của căn nhà cùng chiếc máy cày và yêu cầu được nhận giá trị theo giá mà Hội đồng định giá đã định.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn số tiền 250.000.000 đồng. Số tiền này anh H đã trả cho Ngân hàng. Chị có nghĩa vụ trả lại cho anh H 125.000.000 đồng nợ chung.

Về yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn: Chị B thay đổi yêu cầu, chị thống nhất theo nguyện vọng của cháu Trần Ngọc Y là sống chung với anh H. Do đó, chị rút yêu cầu về việc thay đổi người nuôi con.

Bị đơn Anh Trần Phi H trình bày:

Anh và chị B chung sống với nhau từ tháng 12/2007 (không phải năm 2006), đến năm 2008 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Do là con trai út trong gia đình nên anh và chị B sống chung nhà với cha mẹ của anh. Trong thời gian chung sống đến trước thời điểm xây dựng căn nhà, anh sản xuất cây hàng năm bao gồm: thuốc lá vàng, ớt và lúa trên diện tích đất có căn nhà với diện tích hơn 1,5 ha. Còn phần đất 26.202m² thì cha anh cho Công ty mía đường thuê để trồng mía từ năm 2005 - 2017. Tất cả 02 phần đất này đều do anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) vào năm 2006. Ngoài thời gian sản xuất nông nghiệp trên đất thì anh đi cày và kéo thuê. Chị B thì ngoài thời gian dưỡng sức sau khi hư thai và thời gian nuôi con nhỏ thì chị B ở nhà chăm con, làm công việc nhà và xem công hái (bê) ớt. Lợi nhuận trong việc trồng lúa, ớt và thuốc lá vàng không nhiều, chỉ đủ chi phí sinh hoạt trong một năm. Thu nhập chính để lo tất cả mọi việc chi tiêu, ăn uống, đám tiệc, điều trị bệnh trong gia đình chủ yếu từ tiền do anh đi cày và kéo thuê.

Sau khi cưới chị B về, thì gia đình anh đã có 01 đôi bò kéo, đến năm 2015 cha của anh bán đôi bò và mua chiếc máy cày. Đôi bò này là của cha anh chưa cho anh và chiếc máy cày cũng là của cha anh. Trong thời gian vợ chồng chung sống cùng cha mẹ, thì cha anh ở nhà nuôi gà bán lấy tiền hỗ trợ vợ chồng anh để mua thức ăn, còn mẹ của anh thì phụ công việc nhà. Ngoài ra, cha anh còn dùng tiền cho thuê đất trồng mía để hỗ trợ vợ chồng anh chi phí cho việc chi tiêu trong gia đình.

Nay anh xác định trong thời gian vợ chồng chung sống chỉ tạo lập được một số tài sản chung gồm: 01 chiếc xe sirius và số tiền 20.000.000 đồng, sau khi ly hôn vào năm 2017, thì anh đã giao cho chị B chiếc xe và số tiền trên, ngoài ra vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

Phần đất tranh chấp diện tích 8.500 m² thuộc một phần thửa đất số 524, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) số CH113634; số vào sổ cấp GCN: CS02757 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08/6/2017 cho anh đứng tên, nằm trong phần đất diện tích 26.202 m² do anh đứng tên giấy chứng nhận QSDĐ vào năm 2006, có nguồn gốc do cha của anh tặng cho riêng anh. Không phải là phần đất nhận chuyển nhượng của anh Trần Văn C1 theo “Giấy thỏa thuận về việc sang nhượng đất” đề ngày 16/6/2013. Phần đất anh nhận chuyển nhượng của anh C1 vào ngày 16/6/2013 là phần đất có diện tích 8.500 m² thuộc các thửa 592, 597; tờ bản đồ số 38 trong phần đất diện tích 17.164,2 m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH113634; số vào sổ cấp GCN: CS02757 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08/6/2017. Phần đất có tứ cận:

- Đông: giáp đất của anh Q (Trại heo);
- Tây: giáp đất của chị Trần Thị T;
- Nam: giáp đất của anh Nguyễn Văn L;
- Bắc: giáp đất của Anh Trần Phi H.

Phần đất này mặc dù được mua trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng nhưng được mua từ nguồn tiền riêng của anh, do anh thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ do anh đứng tên để lấy tiền mua đất. Nên phần đất này cũng là tài sản riêng của anh, không phải tài sản chung của vợ chồng.

Căn nhà cấp 4 tọa lạc trên phần đất diện tích 15.390,5 m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV326178; số vào sổ cấp GCN: CH01649 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21/7/2014 cho anh H đứng tên, được xây dựng vào năm 2010 từ nguồn tiền của chị gái tên Trần Ngọc B, sinh năm 1982; định cư tại Đài Loan từ năm 2002, gửi tiền về Việt Nam vào năm 2010 cho cha mẹ xây dựng căn nhà, nên căn nhà này là của cha mẹ không phải của vợ chồng. Anh chỉ phụ công trong việc xây dựng, chị B thì phụ công trong việc nấu ăn cho công thợ, vợ chồng không phụ cha mẹ phần tiền nào. Việc chị B gửi tiền từ Đài Loan về cho cha mẹ anh thì không gửi trực tiếp mà thông qua chị gái thứ 2 tên T. Chị B gửi tiền cho chị T cũng thông qua bạn bè của chị B khi các bạn của chị B về Việt Nam. Do đó, anh không có chứng từ chuyển khoản hoặc chứng từ gửi Ngân hàng, nên anh không có chứng cứ thể hiện việc chị B gửi tiền về Việt Nam cho cha mẹ để xây dựng căn nhà. Những người bạn được chị B gửi tiền đem về Việt Nam thì anh không biết được họ tên, năm sinh, địa chỉ cụ thể. Phía chị T cũng không có chứng cứ gì chứng minh có việc nhận tiền của chị B gửi về cho cha mẹ. Mọi giao dịch gửi và nhận tiền thông qua trung gian là bạn bè của chị B chỉ được thực hiện bằng miệng, không giấy tờ.

Hiện chị B đang định cư tại Cao Hùng, Đài Loan, còn địa chỉ cụ thể thì anh không biết. Do chị B không có chứng minh nhân dân, hiện định cư bất hợp pháp tại Đài Loan, nên không có địa chỉ cụ thể. Về phía gia đình anh cũng không liên lạc được với chị Bích, chỉ chị B lâu lâu mới liên lạc về nhà. Do đó,

anh không cung cấp được địa chỉ của chị B tại Đài Loan cho Tòa án để liên hệ làm việc.

Nay anh xác định các phần tài sản đang tranh chấp bao gồm: phần đất diện tích 8.500 m²; căn nhà cấp 4 và chiếc máy cày không phải là tài sản chung của vợ chồng. Nên anh không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của chị B.

Về yêu cầu thay đổi người nuôi con sau ly hôn: Nay chị B rút yêu cầu thì anh thống nhất, không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà là mẹ ruột của Anh Trần Phi H, anh H là con trai út nên ở chung với vợ chồng bà. Chồng bà tên Trần Văn K, sinh năm 1932 – 2018; trú cùng địa chỉ với bà. Căn nhà cấp 4 được xây dựng cách nay khoảng 10 năm trên phần đất do anh H đứng tên. Lý do tất cả đất, bao gồm phần đất có căn nhà vợ chồng bà cho anh H đứng tên là vì vợ chồng bà lớn tuổi không vay được Ngân hàng nên chuyển hết tài sản là đất sang cho anh H đứng tên.

Nguồn tiền xây dựng căn nhà là của con gái thứ 10 tên Trần Ngọc B, sinh năm 1982; hiện đang cư trú tại Cao Hùng, Đài Loan (địa chỉ cụ thể thì bà không biết). Nhưng chị B vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú chung với vợ chồng bà tại: ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh gửi về cho vợ chồng bà xây dựng căn nhà thông qua con rể thứ hai tên Nguyễn Thành L, sinh năm 1960; trú tại: 34/10 Đường 625, ấp M, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn nhà sau khi hoàn thành khoảng 250.000.000 đồng. Chị B gửi tiền cho anh L để xây nhà cho vợ chồng bà thông qua bạn bè của chị B ở Đài Loan khi về Việt Nam. Do gửi trực tiếp nên không có giấy tờ gì chứng minh có việc gửi tiền. Những người gửi tiền của chị B cho anh L là ai thì bà cũng không biết.

Trước khi gửi tiền về Việt Nam thì chị B có gọi điện thoại báo cho bà biết là gửi cho bạn đem về Thành phố Hồ Chí Minh đưa cho anh L đem về xây nhà cho vợ chồng bà. Và giao luôn tiền cho anh L quản lý để chi phí cho việc trả vật liệu xây dựng và công thợ. Anh L vừa là thầu và là người xây dựng cùng các anh em con cháu trong gia đình hỗ trợ xây dựng. Gia đình chỉ thuê thêm vài người thợ ở địa phương. Nên chi phí cho việc trả công thợ không nhiều.

Chị B về sống chung với gia đình bà từ thời gian nào thì bà không nhớ, trong thời gian sống chung đến trước khi xây dựng căn nhà thì chị B chỉ ở nhà lo cho con nhỏ và cơm nước trong gia đình. Anh H sản xuất nông nghiệp và đi kéo thuê, chi phí chỉ đủ lo chi tiêu trong gia đình, không có dư để phụ vợ chồng bà chi phí xây dựng nhà.

Về chiếc xe máy cày đang tranh chấp có nguồn gốc vào năm 2003 chị B gửi tiền từ Đài Loan về cho vợ chồng bà mua đôi trâu của người con gái thứ hai tên T, sinh năm 1959 (là vợ của anh L); trú cùng địa chỉ với anh L. Cuối năm 2005, vợ chồng bà bán đôi trâu và mua đôi bò kéo dùng để cày đất và kéo mía. Đến năm 2015 thì vợ chồng bà bán đôi bò và anh Huy là người quen gần nhà chở chồng bà đi mua chiếc máy cày.

Nay bà xác định phần đất 8.500 m² là tài sản riêng của anh H. Căn nhà cấp 4 và chiếc máy cày là tài sản chung của vợ chồng bà. Mục đích chị B gửi tiền cho vợ chồng bà xây dựng căn nhà là để vợ chồng bà ở và là nơi thờ cúng ông bà, cha mẹ và vợ chồng bà sau khi chết. Chiếc máy cày thì vợ chồng bà mua để cho anh H có điều kiện làm ăn nuôi vợ con và vợ chồng bà. Vợ chồng bà không cho riêng anh H căn nhà hay chiếc máy cày và cũng không cho chung chị B và anh H căn nhà và chiếc máy cày này. Do đó, bà không chấp nhận với yêu cầu khởi kiện của chị B đối với anh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Anh Lê Trọng C trình bày:

Vào ngày 31/5/2021 anh cùng vợ là Chị Tô Thị Kim N, sinh năm 1984; trú tại: Số 441, Hẻm 69, Đường T, Khu phố 2, Phường 3, thành phố N, tỉnh Tây Ninh và Anh Trần Phi H có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng công chứng Kiều Thị Huyền Châu để chuyển nhượng phần đất diện tích 11.051,4 m² thuộc thửa đất số 591 (trích đo chỉnh lý từ các thửa 524), tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Thửa đất thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH113634; số vào sổ cấp GCN: CS02757 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 08/6/2017 cho anh H đứng tên.

Phần đất vợ chồng anh chuyển nhượng của anh H do một mình anh H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do đó việc chuyển nhượng giữa hai bên là hợp pháp. Nên vợ chồng anh không có yêu cầu độc lập về việc tranh chấp về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa đất số 591 (trích đo chỉnh lý từ các thửa 524), tờ bản đồ số 38 theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 31/5/2021 với anh H. Khi nào vụ án tranh chấp về chia tài sản sau ly hôn giữa chị B và anh H giải quyết xong và có hiệu lực pháp luật thì vợ chồng anh và anh H sẽ thực hiện tiếp thủ tục chuyển nhượng đất theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chị Tô Thị Kim N trình bày:

Chị thống nhất với toàn bộ lời trình bày của Anh Lê Trọng C và không có ý kiến gì thêm.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Đối với yêu cầu thay đổi quyền nuôi con: Tại phiên tòa, chị B rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của chị B theo quy định của pháp luật.

Đối với phần đất diện tích 8.500 m²: Hai bên đương sự xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ anh H. Thời điểm tặng cho năm 2006, anh H và chị B chưa đăng ký kết hôn, việc tặng cho là cho riêng. Do đó có đủ chứng cứ chứng minh phần đất đang tranh chấp là tài sản riêng của anh H, được cha mẹ tặng cho trước thời kỳ hôn nhân.

Giấy tay chuyển nhượng đất của anh C1 không thể hiện rõ vị trí. Người sử dụng đất là anh H. Giấy sang nhượng không đảm bảo về mặt hình thức, nên

không làm thay đổi, chấm dứt quyền của người sử dụng đất. Không chấp nhận đối với các chứng cứ là giấy sang nhượng đề ngày 16/6/2013. Người trực tiếp trả khoản vay cho Ngân hàng là anh H. Anh H đã trả nợ là nợ riêng, không phải nợ chung, nên không chấp nhận yêu cầu chia nợ của chị B. Quá trình chung sống không có văn bản thỏa thuận nhập tài sản riêng vào tài sản chung, không chấp nhận yêu cầu chia quyền sử dụng đất của chị B.

Về căn nhà: Chị B trình bày tiền xây dựng từ tiền sản xuất của vợ chồng nhưng không có chứng cứ chứng minh.

Về chiếc máy cày: Chị B không xác định được tiền mua máy cày là từ tiền của vợ chồng hay tiền bán đôi bò. Căn cứ vào giấy mua bán máy cày và giấy xác nhận của chủ cửa hàng vật liệu. Đồng thời phù hợp với lời trình bày của những nhân chứng là nhà và máy cày là tài sản của cha mẹ.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 43, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản sau khi ly hôn của nguyên đơn.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 37/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn giữa Chị Trang Thị B đối với Anh Trần Phi H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trang Thị B về việc chia tài sản sau khi ly hôn là căn nhà cấp 4.

- Anh Trần Phi H được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 (diện tích 166,4m²) trên phần đất có tổng diện tích 15.390,5m² do Anh Trần Phi H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Anh Trần Phi H có nghĩa vụ giao cho Chị Trang Thị B số tiền 112.869.000 đồng (chia căn nhà cấp 4).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trang Thị B về việc chia tài sản sau khi ly hôn là quyền sử dụng đất diện tích 8.500 m² thuộc một phần của thửa 524, tờ bản đồ số 38 do Anh Trần Phi H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chiếc máy cày Iseki màu xanh, hiệu TS 2810.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/6/2022 Chị Trang Thị B kháng cáo: Yêu cầu hủy bản án để điều tra xác minh hiện trạng thực tế phần đất diện tích 8.500m² tọa lạc ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh do chị B và anh H nhận chuyển nhượng từ vợ chồng anh C1 và chia ½ phần đất diện tích 8.500m² cho chị B. Chia ½ giá trị căn nhà và ½ giá trị chiếc máy cày cho chị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Ngày 12/6/2017 Tòa án nhân dân huyện T ban hành Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị B và anh H. Ngày 30/5/2017 anh H, chị B ký

giấy thỏa thuận tài sản chung: Phần đất diện tích 8.500m² tọa lạc ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh do anh H đứng tên GCNQSDĐ số: H00981/546/2006/HĐ-CN do UBND huyện T cấp ngày 16/3/2006 để lại cho các con là Trần Ngọc Y và Trần Thị Yến N trưởng thành thì anh H có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng lại cho các con. Anh H có trách nhiệm trả nợ ngân hàng là 280.000.000 đồng. Chị B được nhận số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) do anh H giao trả vào tháng 11/2017, chị B được sở hữu 01 chiếc xe Sirut và chị B đồng ý để lại tài sản khác cho anh H. Sự thỏa thuận của chị B và anh H đã có hiệu lực pháp luật. Nay chị B khởi kiện chia tài sản chung là không có cơ sở. Hơn nữa tài sản tranh chấp là của cha mẹ anh H cho riêng anh H và anh H dùng tài sản đứng tên riêng để thế chấp Ngân hàng và mua phần đất này, nên đây là tài sản riêng của anh H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tờ giấy sang nhượng đất ngày 16/6/2013 giữa vợ chồng chị B và vợ chồng anh C1; Biên bản thỏa thuận tài sản chung ngày 30/7/2017 của anh H và chị B, có căn cứ xác định phần đất diện tích 8.500m² tọa lạc ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của chị B và anh H, cấp sơ thẩm chưa đối chất làm rõ để giải quyết trong cùng một vụ án mà nhận định giải quyết phần đất chuyển nhượng của anh C1 sẽ giải quyết trong vụ án khác là chưa giải quyết triệt để vụ án. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử hủy 01 phần bản án đối với yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn của chị B đối với phần đất diện tích 8.500m² tọa lạc ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh do anh H đứng tên giấy CNQSDĐ số CH11364, sổ vào sổ GCN: CS02757 ngày 08/6/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị C và Chị Tô Thị Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Bà C và Chị N.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị B thấy rằng:

1- Đối với yêu cầu chia ½ phần đất diện tích 8.500m² thuộc thửa 4029, tờ bản đồ số 10 đất do anh H đứng tên ngày 16/3/2006 (nay là thửa 524, tờ bản đồ số 38 do anh H đứng tên ngày 08/6/2017).

Nguồn gốc phần đất là của cha mẹ anh H cho anh H đứng tên toàn bộ phần diện tích là 26.202m², trong toàn bộ phần diện tích 26.202m² anh H đứng tên thì cha mẹ anh H có cho anh Trần Văn C1 là anh ruột anh H 01 phần đất nên ngày 16/6/2013 anh Trần Văn C1 cùng vợ là Đào Thị L lập “**Văn bản thỏa**

thuận về việc sang nhượng đất” nội dung anh C1, chị Lan chuyển nhượng cho anh H, chị B phần đất diện tích 8.500m² tọa lạc ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh với giá 260.000.000 đồng, đã giao trước 60.000.000 đồng. Ngày 30/7/2013 giao thêm 200.000.000 đồng.

Sau khi thống nhất thuận tình ly hôn, tại văn bản ngày 30/5/2017 anh H, chị B ký giấy thỏa thuận tài sản chung như sau: Phần đất diện tích 8.500m² tọa lạc ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh do anh H đứng tên GCNQSDĐ số: H00981/546/2006/HĐ-CN do UBND huyện T cấp ngày 16/3/2006 để lại cho các con là Trần Ngọc Y và Trần Thị Yến N trưởng thành thì anh H có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng lại cho các con. Anh H có trách nhiệm trả nợ ngân hàng là 280.000.000 đồng. Chị B được nhận số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) do anh H giao trả vào tháng 11/2017, chị B được sở hữu 01 chiếc xe Sirut và chị B đồng ý để lại tài sản khác cho anh H.

Do đó căn cứ vào tờ giấy sang nhượng đất ngày 16/6/2013 giữa vợ chồng chị B và vợ chồng anh C1; Biên bản thỏa thuận tài sản chung ngày 30/7/2017 của anh H và chị B, có căn cứ xác định phần đất diện tích 8.500m² tọa lạc ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh là tài sản chung của chị B và anh H nhưng phần đất này đã được chị B và anh H thỏa thuận để lại cho các con là Trần Ngọc Y và Trần Thị Yến N trưởng thành thì anh H có trách nhiệm chuyển quyền sử dụng đất lại cho các con. Việc thỏa thuận của anh chị được chứng thực của UBND xã V và anh chị cũng đã thực hiện xong các thỏa thuận khác. Nay chị B yêu cầu chia tài sản chung là phần đất nêu trên không có cơ sở chấp nhận.

2- Đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn diện tích 166,4 m² nhà cấp 4 được xây dựng vào cuối năm 2010 trên phần đất diện tích 15.390,5m² do anh H đứng tên riêng ngày 21/7/2014, căn nhà trị giá 376.230.000 đồng. Cấp sơ thẩm xác định căn nhà là sở hữu chung của anh H và chị B, anh H có công sức đóng góp nhiều hơn nên chia cho anh H nhiều hơn là 70%, chị B 30% là phù hợp. Tại phiên tòa chị B kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà cấp 4 của chị B.

3- Đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc máy cày được mua vào khoảng năm 2014, trị giá chiếc máy cày là 20.000.000 đồng. Chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, có giấy mua bán năm 2015 ông Khuynh là cha của anh H mua máy cày với giá là 72.000.000 đồng (bút lục 152) nên chị B trình bày chiếc máy cày là tài sản chung của chị và anh H là không có cơ sở, chị B kháng cáo không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị B, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Không chấp nhận kháng cáo của Chị Trang Thị B;
- Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 37/2022/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 5 năm 2022, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào các Điều 59, 61, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn giữa Chị Trang Thị B đối với Anh Trần Phi H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trang Thị B về việc chia tài sản sau khi ly hôn là căn nhà cấp 4.

- Anh Trần Phi H được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 (diện tích 166,4 m²) trên phần đất có tổng diện tích 15.390,5 m² thuộc các thửa đất số 114, 119, 120, 121, 143, 146, 147, 168, 171, 172, 475, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp C, xã V, huyện T, tỉnh Tây Ninh do Anh Trần Phi H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Anh Trần Phi H có nghĩa vụ giao cho Chị Trang Thị B số tiền 112.869.000 (một trăm mười hai triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Trang Thị B về việc chia tài sản sau khi ly hôn là quyền sử dụng đất diện tích 8.500 m² thuộc một phần của thửa 524, tờ bản đồ số 38 do Anh Trần Phi H đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chiếc máy cày Iseki màu xanh, hiệu TS 2810.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản: Số tiền 5.960.000 (năm triệu chín trăm sáu mươi nghìn) đồng. Chị B phải chịu 3.650.000 (ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Ghi nhận chị B đã nộp xong. Anh H phải chịu 2.310.000 (hai triệu ba trăm mười nghìn) đồng. Do chị B đã tạm nộp nên anh H phải trả lại cho chị B số tiền 2.310.000 (hai triệu ba trăm mười nghìn) đồng.

5. Về án phí:

- Chị Trang Thị B phải chịu 5.643.000 (năm triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn) đồng án phí chia tài sản chung, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.925.000 (mười triệu chín trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo các biên lai số 0007497, 0007498 cùng ngày 06/7/2021 và biên lai số 0016852 ngày 27/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị B được nhận lại 5.282.000 (năm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Trần Phi H phải chịu 13.168.000 (mười ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn) đồng án phí chia tài sản chung.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trang Thị B phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0017451 ngày 07/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký